

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TBD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TBD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TBD INVESTMENT AND DEVELOPMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TBD INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109097529

3. Ngày thành lập: 21/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà A28, Khu tập thể 810, đường Ngọc Hồi, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981.561.885

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
3.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
4.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
5.	Xây dựng nhà để ở	4101
6.	Xây dựng nhà không để ở	4102
7.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9.	Xây dựng công trình điện	4221
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
13.	Xây dựng công trình thủy	4291
14.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Phá dỡ	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
25.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
26.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
27.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
28.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
29.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
30.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
31.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn thiết kế công trình giao thông đường bộ; Tư vấn thiết kế công trình thủy lợi; Tư vấn giám sát công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn giám sát công trình giao thông đường bộ; Tư vấn giám sát công trình thủy lợi; (Điều 48, 49 Nghị định Số: 59/2015/NĐ-CP)	7110
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất công trình.	7410
34.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
35.	Bốc xếp hàng hóa	5224
36.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
38.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
39.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Dịch vụ logistics.	5229
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
48.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như: + Tẩm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau), + Làm dưới dạng rời, - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự, - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ, - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh, - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng;	1621
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
51.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
52.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
53.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
54.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
55.	Đúc kim loại màu	2432
56.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
57.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
58.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
59.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
60.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
61.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
62.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
63.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
64.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
65.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
66.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
67.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
68.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
69.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
70.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

71.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
72.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
74.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
75.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
77.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
78.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
80.	Bán buôn thực phẩm	4632
81.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
82.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
83.	Bán buôn đồ uống	4633
84.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
85.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
86.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
87.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
88.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
89.	Bán buôn tổng hợp	4690
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LỤC MINH ĐẠT	Nhà số 01 tổ 02, Phường Ý La, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	20,000	070952087	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	20,000		
2	TRẦN NHƯ BIÊN	Thôn Đông Tự, Xã Vũ Bản, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	60,000	035088000162	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	60,000		

3	NGÔ ĐẮC TRÍ	Thôn Rùa Thượng, Xã Thanh Thù, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	20,000	001077002110
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN NHƯ BIÊN**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: **07/07/1988**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **035088000162**

Ngày cấp: **05/11/2015**

Nơi cấp: **CCS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Đông Tự, Xã Vũ Bản, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Thôn Đông Tự, Xã Vũ Bản, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội